

## TIẾP CẬN QUAN ĐIỂM LỊCH SỬ TRIẾT HỌC CỦA KARL JASPERS

LÊ VĂN TÙNG  
NGUYỄN TIẾN DŨNG

### TÓM TẮT

*Karl Jaspers (1883-1969) đặt nền móng cho phương pháp tiếp cận mới trong triết học và lịch sử triết học từ lập trường của chủ nghĩa hiện sinh. Jaspers cho rằng, triết học rất khác nhau trong những quê quán và hình thái lịch sử của chúng, vì vậy giá trị của chúng cần được tái khám phá và phát triển từ số phận con người. Bài viết này, trình bày và phân tích quan điểm của Jaspers về triết học, đối tượng, chức năng, về quan điểm lịch sử triết học. Qua đó, chỉ ra một số ý nghĩa của các quan điểm đó.*

### 1. DẪN NHẬP

Là một trong những hình thái của văn hóa, triết học bao giờ cũng là tấm gương phản ánh hiện thực trong tính chỉnh thể của nó nhằm đưa lại một hệ thống định hướng nhân sinh. Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, sự phát triển của chủ nghĩa duy lý, khoa học, kỹ thuật ở phương Tây đã đạt được những thành tựu lớn, đưa lại cho loài người nền văn minh công nghiệp hiện đại. Việc đề cao, tuyệt đối hóa vai trò của lý

tính, tư bản, khoa học, kỹ thuật, nhà nước, thị trường, ngày càng bộc lộ mặt trái là sự tha hóa của con người. Vì thế, trong triết học xuất hiện khuynh hướng triết học phi duy lý, nhằm tái định hướng các vấn đề triết học vào con người, để khắc phục mặt thô bạo kỹ thuật, sự lạnh lùng lý tính, hiệu chỉnh lại sự phát triển theo hướng nhân văn. Trong khuynh hướng ấy, chủ nghĩa hiện sinh là một trào lưu nổi bật với các triết gia tiêu biểu như Nietzsche, Kierkegaard, Heidegger, Sartre, Ponty, Jaspers. Từ thực tế và trong chiều sâu của truyền thống nhân văn phương Tây, các nhà triết học này, đặc biệt là Jaspers đã đề xuất một tiếp cận triết học vào việc thức tỉnh những giá trị chân chính về bản thân con người-nhân vị.

### 2. QUAN ĐIỂM LỊCH SỬ TRIẾT HỌC CỦA KARL JASPERS

Bàn về triết học, Karl Jaspers cho rằng, khái niệm này bao hàm một lĩnh vực rộng rãi, kiến thức của nó liên hệ đến toàn bộ sự hiện hữu của con người. Vì thế, những định nghĩa triết học khác nhau đều mang dấu ấn trải nghiệm tri thức của người phát biểu ra nó. Hơn nữa, Jaspers cho rằng, triết học khác với khoa học, ở chỗ nó không xuất phát và kết thúc vào các mục đích tái hiện tính khách quan chính xác. Đối ngũ và thiết chế triết học (triết gia

Lê Văn Tùng. Thạc sĩ. Trường Đại học Đồng Tháp.

Nguyễn Tiến Dũng. Phó Giáo sư tiến sĩ. Trường Đại học Khoa học Huế.

những trào lưu) là “người bạn” của “Sự thông thái” (Tình yêu đối với sự hiểu biết, sự truy tìm chân lý) chứ không phải là người sở hữu kiến thức (nhà khoa học). Một ý định triết học cố gắng xây dựng lại hiện thực phổ quát của tính khách quan, một hệ thống kiến thức chắc chắn thì nó chỉ có thể là khoa học, còn triết học đích thực phải xuất phát từ con người, lấy số phận con người làm đối tượng suy tư. Ở đây, Jaspers không quá đề cao vai trò của triết học, hạ thấp vai trò của tri thức khoa học mà chỉ muốn nhấn mạnh sự khác nhau về mặt phương pháp, đặc trưng tri thức và tính chất thế giới quan giữa chúng.

Chức năng của triết học là làm sáng tỏ trong tính chính thể sự hiện diện của con người, bởi lẽ, con người không chỉ tồn tại trong thế giới mà còn là một thực thể tự do. Sự hiện hữu ở con người được ông xem là một nguồn suối phát sinh các vấn đề triết học, chúng thể hiện những trạng thái *ngạc nhiên* (thái độ phản tỉnh với cuộc sống hằng ngày), *hoài nghi* (thái độ phản tỉnh để hiểu rõ ý nghĩa của cuộc đời), *những tình huống giới hạn* (limit situations) và *sự thông tri* (sự thông cảm giữa người với người, sự tán thành lẫn nhau dựa trên tư cách người). Theo đó, thông thường, mỗi người đều nhận thấy ít nhiều một khả năng suy tư và tự vấn nào đó của mình. Triết học cũng có thể xuất hiện nơi những “bệnh nhân” tinh thần (những vĩ nhân), và nói chung, là hầu như tất cả mọi người “không một ai bỏ qua triết lý được”. Triết học tồn tại là vì bao giờ trong con người cũng tiềm chứa những khả năng suy tư, và chúng cần phải được đặt trên một lập trường vô tư, chú trọng tới con người trong

vị thế làm người của nó. Ông viết: “Chính nhân tính, số phận, kinh nghiệm của chính chúng ta tác động chúng ta như một nền tảng đầy đủ để hình thành quan điểm triết học” (Claro R. Ceniza, Romualdo E. Abulad, 2005, tr. 20). Những nỗ lực trả lời cho câu hỏi “triết học là gì?” làm nảy sinh một ý định là, con người vẫn có thể sống yên ổn, thậm chí là tốt hơn khi không biết gì về triết học, người ta chẳng cần phải nhắc tới hai từ triết học mà vẫn hiện hữu như một nhân vị tự do và độc đáo. Do đó, Jaspers cho rằng, cần giải phóng quan niệm xem triết học là món ăn tinh thần dành riêng cho bậc trí giả, nhưng cũng cần phê phán thái độ tầm thường hóa triết học, đối xử với con người như một sự vật. Sự vật, sự việc, quá trình cần được nghiên cứu (khoa học), còn con người-hiện hữu có tập quán thông cảm và giải thoát cần phải được thấu hiểu, chia sẻ. Ông viết: “triết lý vừa là thể hiện tư tưởng linh động vừa là suy tư về tư tưởng linh động ấy hay triết lý vừa là hành động vừa là thái độ giải thích cho hành động. Tóm lại, chỉ nhờ kinh nghiệm bản thân, mỗi con người mới nhận thức được đâu là bản chất triết lý ở đời” (Karl Jaspers, 2004, tr. 57).

Triết học xuất hiện phải với mục đích làm cho con người sống tốt hơn, làm cho người ta biết cười, biết khóc, biết sống và biết chết, chứ không đơn thuần giải khát sự thiếu hụt hiểu biết của con người. Vì thế, nó cần tìm cách xây dựng một phương pháp giải thích phù hợp với tất cả những gì là sự thật của đời người. Ông viết: “triết lý là đường dẫn con người về trọng tâm, nơi đây họ mới nhận thức được chính họ trong khi dẫn thân vào cuộc đời” (Karl Jaspers, 2004, tr. 58).

Về chức năng xã hội của đội ngũ triết học, Jaspers cho rằng các nhà triết học cần phải thể hiện trách nhiệm trong các phát biểu được đưa ra, không sử dụng lý tính cho việc minh họa những cực đoan, những thực tế trái nhân tính. Trong thời đại mình, Jaspers đã phê phán chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa quan liêu, những bá quyền tinh thần xúc phạm nhân tính, biến con người thành đồ vật. Đồng thời đề xuất ý tưởng xây dựng một xã hội cùng chung sống hòa bình, dân chủ, con người được học tập và được tạo các điều kiện để phát triển cá tính lành mạnh.

Về đối tượng của triết học, Jaspers khẳng định đó là “bản vị nội địa của thân phận con người”. Triết học có nhiệm vụ truyền cho họ những thành tích tinh thần để họ vượt qua chính mình và trở thành tự do. “mục tiêu của nỗ lực triết học, Jaspers viết, là hiểu rõ thực tại này (sự hoàn thiện mang tính lịch sử về sự hiện hữu của con người trong đó sự tồn tại nói chung được hiển lộ - LVT) trong tinh hướng thực thụ của con người” (Claro R. Ceniza, Romualdo E. Abulad, 2005, tr. 23), và do đó, trước hết nó cần phê bình trên nguyên tắc thân phận con người tất cả những sai lầm đã từng là nội dung tranh luận dài dòng hàng ngàn năm - mối quan hệ giữa chủ thể và khách thể. Về thực chất, Jaspers phê bình cả chủ nghĩa chủ quan lẫn chủ nghĩa khách quan, ở chỗ, đã không xuất phát từ con người, những ràng buộc và ước vọng của nó, đã kéo con người ra khỏi bản thân nó bằng một thái độ điều tra triết học theo ý đồ sở hữu tri thức và phương pháp khoa học. Ở đây, Jaspers không chống lại khoa học, kỹ thuật mà chỉ phê bình sự lạm dụng lý tính đã và đang tham dự vào việc tạo ra những

thiếu vắng nhân tính của thời đại ông, trả lại cho con người một phần đời sống hằng ngày của nó.

Việc ông đưa ra khái niệm *Bao dung thể* (Encompassing) cho thấy một cách đặt vấn đề khác với truyền thống bản thể luận của phương Tây. Khác ở chỗ, thay vì tranh luận để đi tới tán thành một loại thể giới quan phổ quát, là bản thể (hữu thể, tồn tại nói chung) của mọi hiện tồn, Jaspers cho rằng, con người là một hữu thể độc đáo, đặc thù (hiện hữu). Cái đặc thù cần phải được thấu hiểu bằng một phương pháp đặc thù, và thông qua cái hiện hữu đặc thù ấy để nắm bắt bản thể tự tại, bởi lẽ, “các sự vật không tự chúng hiện hữu được”. Đây là điểm giống nhau giữa Jaspers và Heidegger, vì cả hai đều chú trọng một triết học khám phá ý nghĩa của tồn tại và của sự tồn tại. Đối với Jaspers, tồn tại, thể giới không là gì khác ngoài thể giới được quan niệm (Vũ trụ, Thượng đế). Nói cách khác, câu hỏi “bản chất của thể giới là gì?” cần được đổi thành “tôi đã hiểu bản chất của thể giới là gì?”. Điều này có nghĩa, cần phải thông qua con người và số phận của nó để giải quyết các vấn đề khác, con người là tính thứ nhất, những cái khác là tính thứ hai, con người là trung tâm của mọi thực tại. Từ đó, ông cho rằng, người ta nghĩ khác đi nên đã sống khác đi để phù hợp hơn và tốt hơn. Thay vì phải đấu tranh chống lại những giới hạn của suy nghĩ mang lại kinh nghiệm về sự khổ đau, tội lỗi, sợ hãi và cái chết (do những lựa chọn), con người cần gây dựng một ý thức đầy đủ về bản thân, mà điều này chỉ có thể thực hiện được trong sự thông tri với tha nhân khác. Ông viết: “tôi ý thức về tôi trong hoàn cảnh của tôi, thì mọi sự sẽ

khác đĩ” (Karl Jaspers, 2004, tr. 64), “tôi chỉ sống khi sống với người khác. Một mình tôi không là gì cả” (Karl Jaspers, 2004, tr. 72).

Việc phân chia Bao dung thể thành ba cấp độ: trí năng (ý thức phổ quát), chủ thể sinh tồn (sinh vật) và hiện sinh, cho thấy ý định của Jaspers đã di chuyển các vấn đề triết học vào con người trong sự tồn tại cụ thể của nó. Đồng thời, nó cũng chỉ rõ những thang bậc khác nhau của việc dành lại “quà tặng” - ý nghĩa đời sống nhân sinh, tức là việc đạt được tự do trong thiên hướng hài hòa giữa sự tồn tại của con người vào sự tồn tại nói chung. Ý định này, khác về căn bản so với nguyên lý đồng nhất giữa tư duy và tồn tại - một đề tài truyền thống của triết học phương Tây ở chỗ, nó không tán thành sự đồng nhất theo lối phù hợp (hình thức duy lý) mà theo sự khám phá và sự thể nghiệm của mỗi cá nhân, ông viết: “suy tư triết học là con đường gãy khúc không sửa thẳng được” (Karl Jaspers, 2004, tr. 85). Jaspers cho rằng, những gì hiểu được bằng trí năng, thì đối tượng của nó tồn tại dưới dạng một khách thể hoặc phức hợp các khách thể nghiên cứu, cho nên, những gì không trở thành khách thể, không thể đối tượng hóa được thì trở thành cái siêu hình, chúng không mang những ý nghĩa nhận thức luận mà đóng vai trò là những *mật mã* (Cipher). Ví thế, mỗi người thấu hiểu được sự tồn tại của mình (thức tỉnh) trong sự tồn tại nói chung thông qua việc “đọc” các mật mã đó, “Đối với ta: mọi sự hữu chỉ toàn là hữu do ta giải thích,... bắt cứ những gì ta biết đều chỉ là một luồng ánh sáng ta phóng trên mỗi sự Hữu bằng những giải thích của chúng ta hay ít ra

cũng là một khả năng có thể giải thích. Cho nên vũ trụ vạn vật phải được thiết định làm sao để ta có thể giải thích được chúng” (Karl Jaspers, 2004, tr. 144-145). Như vậy, đối với con người - một hiện hữu đặc biệt mà qua đó các tồn tại khác được biết đến, một hiện hữu không bao giờ trở thành khách thể, là cội nguồn của những suy nghĩ và hành động, triết lý là một phương tiện khai minh, là ý tưởng tổng quát thức tỉnh và giải thoát con người khỏi trạng thái sự vật, những lạc lối, những tự phụ (định kiến), những giam hãm ngôn ngữ, những niềm tin giáo điều và ngộ nhận; nó là hướng dẫn tinh thần cho sự đề cao trách nhiệm, tình yêu, ý thức dân thân, thái độ chân thành và tinh cảm nhân đạo, “nghĩa là con người phải có trách nhiệm về những điều họ làm và về lối sống của họ” (Karl Jaspers, 2004, tr. 248), và “chúng ta có quyền hy vọng vào tương lai nếu ta càng dân thân nhiều hơn vào hiện tại, nghĩa là nếu ta biết tìm chân lý và những tiêu chuẩn giá trị trong thân phận con người” (Karl Jaspers, 2004, tr. 186). Ví thế, Jaspers xem triết học là sự biểu thị “một cộng đồng tinh thần chung” (triết học vĩnh cửu) cung cấp những định hướng cuộc sống (soi rọi vào cuộc đời) cho con người, bản chất của triết học được đưa lại từ sự thực hành đời sống (hiện sinh là sống chứ không chỉ là biết), ông viết: “triết học trở thành sự thực hiện ý tưởng sống động và sự suy tư về ý tưởng này, hành động và sự phơi bày hành động trong một ý tưởng” (Claro R. Ceniza, Romualdo E. Abulad, 2005, tr. 23). Từ quan niệm về triết học, Jaspers nói tới những hình thái lịch sử của nó. Ông cho rằng, triết học đã xuất hiện ra qua những

bộ mặt rất khác nhau trong lịch sử, những nhà triết học lớn và nhiều nhà triết học không lớn đã từng xuất hiện trong các thời đại. Lịch sử triết học không phải là "một mặt hồ san phẳng", bản thân sự phát triển của tri thức triết học, bên cạnh "những mạch lạc" (những trào lưu và tư tưởng triết học vạch thời đại) cũng chứa đựng những mâu thuẫn, những sai lầm, những tranh luận và xung đột. Lịch sử triết học cần phải được khám phá thông qua con đường suy ngẫm và thực hành của lối sống. Tuy nhiên, sự ra đời của triết học không phải là ngẫu nhiên, mà gắn liền với *Niềm tin triết học* (Philosophical Faith) và sự trưởng thành của ý thức về bản tính vũ trụ và về bản thân con người. Jaspers nhận định, khoảng thời gian 800-200 (trước Công nguyên) chính là *Thời trục* (Axial Age) mà trong đó tất cả những sáng tạo cơ bản làm cơ sở cho nền văn minh hiện đại ra đời. Thời trục đó được đặc trưng bởi sự phát triển nhảy vọt của tư duy lý tính so với lối hiểu biết huyền thoại, năng lực tự đặt ra và giải quyết những vấn đề của số phận con người, đặc biệt là, sự xuất hiện của những triết gia lớn ở cả ba nền văn hóa lớn của nhân loại là Hy Lạp, Ấn Độ và Trung Hoa. Thời trục đóng vai trò là trung tâm, nền tảng và là bộ khung tham chiếu của lịch sử nhân loại. Từ đó đi tới khẳng định, triết học xuất hiện từ nhiều nguồn gốc khác nhau nhưng chúng đều hướng đến số phận và sự hoàn thiện của chính bản thân con người. Quan điểm này dường như đối lập với Hegel. Nhà triết học lớn của nền triết học cổ điển Đức này một mặt cho rằng, lịch sử triết học chính là triết học, là tinh thần đang phát triển, nhưng nó bỏ lại thời thiếu niên trong quá khứ ở phương Đông

để rồi vươn tới trưởng thành trong triết học hiện đại Đức. Có lẽ vì thế, Jaspers đánh giá cách trình bày lịch sử triết học của Hegel là sáng sủa, nhưng cũng phê phán Hegel là đã "cắt đứt trái tim" (số phận con người - LVT) của mỗi triết lý và chôn vùi chúng vào nghĩa địa bao la của lịch sử. Cách đánh giá này là xác đáng, vì dù sao chăng nữa, nói như Feurbach, con người vẫn là con người và nằm ngoài các lược đồ tư tưởng chắc chắn nhất. Tuy nhiên, Jaspers lại tán thành ý tưởng của Kant, một nhà triết học Đức đáng kính, bởi theo ông, mặc dù Kant đã chỉ tập trung nhiều hơn cho logic học, song với việc khẳng định bản tính tiên nghiệm, năng lực tự kiểm thảo của lý tính triết học, Kant đã đặt lý tính thực tiễn cao hơn lý tính thuần túy và phù nhận mục đích tự thân của chúng, triết học theo ông cần phù hợp và đi tới sự hợp nhất với những hi vọng phổ biến của nhân loại như bình đẳng, tự do, hòa bình. Một triết học như vậy sẽ có tác dụng định hướng cho các cấu trúc và tập quán sinh hoạt phù hợp với sự phát triển nhân tính. Có khá nhiều triết gia tôn giáo phương Tây tán thành ý tưởng Thời trục của Jaspers. Chẳng hạn nhà triết học Leonard Swidler (Đại học Temple, Mỹ) đã lấy ý tưởng về Thời trục để giải thích cho sự nhất thể hóa trên quy mô toàn cầu, thậm chí, còn nhắc tới sự ra đời một Kỷ trục thứ hai đang hiện hữu thông qua sự nhất thể hóa công nghệ và sự đối thoại văn minh hiện nay.

Từ quan niệm về triết học, Jaspers cho rằng cần phải tuân thủ những nguyên tắc nhất định trong việc nghiên cứu, trình bày và ứng dụng lịch sử triết học. *Một là*, phải có quan điểm khách quan, tức là phải chú trọng đặc biệt tới những gì là sự thực đã

được lưu lại trong các văn bản chính thống, cần phải phân biệt cho được tính chính xác của các phát biểu, độ tin cậy của nguồn tư liệu với những bàn luận, chú giải và thêm thắt vào của những người khác đối với tư tưởng của họ. *Hai là*, phải có quan điểm lịch sử, tức là cần phải khảo sát và thấu triệt được truyền thống triết học, thể loại, hệ đề tài, thiết chế xã hội và việc giải quyết nó trong các thời đại lịch sử. Đồng thời biết đặt triết học vào đúng quê quán nơi chúng đã sinh trưởng và trong số kiếp của những người đã sáng nghĩ ra chúng, đặt những quan điểm triết học khác nhau trong vị trí lịch sử của chúng. *Ba là*, phải nghiên cứu một cách toàn diện lịch sử triết học để thấy được sự phong phú về vấn đề triết học, cách tiếp cận, phong cách và ngôn ngữ trình bày, sự phê bình, sự kế thừa và sự nhất trí của một tư tưởng triết học nào đó, tính độc lập tương đối của mỗi đường lối triết học. *Bốn là*, phải có quan điểm thực tế, tức là tiếp thu có phê phán những cái hay, tránh những cái dở và ứng dụng chúng vào cuộc sống, chỉ phê bình một khi đã nghiên cứu một cách đầy đủ và sâu sắc vấn đề.

### 3. KẾT LUẬN

Từ lập trường triết học mácxít có thể thấy

rằng, quan điểm lịch sử triết học của Jaspers là duy tâm nhân bản; các nguyên tắc phương pháp luận mà ông đưa ra là khá chính xác; ý tưởng triết học lấy đời sống, thân phận con người làm trung tâm và mong muốn biến Trái đất thành nơi ở vui vẻ là đúng. Thế giới hiện nay vẫn đang tiềm ẩn những nguy cơ bất ổn, tính hiệu quả và sự hợp lý hóa công nghệ là khó lường và không thể kiểm soát, những xáo trộn nhân văn còn đang phát tác. Cho nên, chính trong những hỗn mang đó việc nhận thức nhu cầu về sự tìm kiếm bản thân sẽ còn chi phối các cách thức chung sống của nhân loại. □

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ceniza, R. Claro, Romualdo E. Abulad. 2005. *Nhập môn triết học: Siêu hình học và Vũ trụ luận* (Bản dịch của Lưu Văn Hy). TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.
2. Jaspers, Karl. 2004. *Triết học nhập môn* (Bản dịch của Lê Tôn Nghiêm). Huế: Nxb. Thuận Hóa.
3. Nguyễn Tiến Dũng. 2006. *Chủ nghĩa hiện sinh: Lịch sử, sự hiện diện ở Việt Nam*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.
4. Trần Thái Đình. 2005. *Triết học hiện sinh*. Hà Nội: Nxb. Văn học.